

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAM LỘ
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2024/HSST
Ngày: 09-09-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LỘ, TỈNH QUẢNG TRỊ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Quý;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Chân Thành;
2. Ông Phạm Văn Bình.

Thư ký phiên tòa: bà Đinh Thị Tường Vy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: ông Phạm Hồng Ánh – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2024, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 27/2024/TLST-HS ngày 06/8/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2024/QĐXXST – HS ngày 26/8/2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, tên gọi khác: Đ, sinh ngày 25/6/2003 tại tỉnh Quảng Trị; nơi cư trú: khu phố E, phường C, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: nhân viên bán xăng dầu; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Viết T1, sinh năm 1981 và bà Phạm Thị Thu T2, sinh năm 1982; vợ con chưa có; tiền án, tiền sự: không có; về nhân thân: ngày 03/7/2024, bị công an huyện C xử phạt 1.650.000 đồng về hành vi điều khiển phương tiện giao thông không có giấy phép lái xe; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/6/2024 đến ngày 17/6/2024; hiện bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Chị Nguyễn Hoàng Anh T3, sinh năm 1988, địa chỉ: Khu phố E, Phường C, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng đầu tháng 5/2024, Nguyễn Văn T đang bán xăng dầu ở cửa hàng S thuộc thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị thì có một người đàn ông (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) đến đổ xăng và hỏi: “Có chở pháo về Đ để lấy tiền công không?”, T chưa nhận lời. Sáng ngày 04/6/2024, T đi chợ T4, huyện H thì gặp lại người đàn ông đang đi chợ, hỏi T “Có nhận chở pháo về Đ không?”, T hỏi lại: “Vận chuyển bao nhiêu tiền 1 hộp pháo”, người đàn ông trả lời “Một hộp là 50.000 đồng”. T đồng ý. Người đàn ông hỏi: “Khi nào về Đ”, T nói: “Ngày 07/6/2024, khoảng 21 giờ sau khi giao ca xong”. Người đàn ông nói đến bờ hồ sát cầu K để nhận pháo. Khoảng 21 giờ 15 phút, ngày 07/6/2024, T lấy xe mô tô biển kiểm soát: 74C1-522.54 của chị Nguyễn Hoàng Anh T3, điều khiển đi đến bờ hồ sát cầu K ở khối C, thị trấn K, huyện H để nhận pháo. T đứng đợi khoảng 10 phút thì người đàn ông điều khiển xe mô tô chở một bao gai màu trắng đi đến. Người đàn ông mở bao gai ra giao cho T 07 (bảy) hộp pháo được bọc trong túi nilon màu đen và nói T vận chuyển về bắc cầu Đ, sẽ có người đến nhận pháo; người đàn ông đưa cho bị cáo tiền công là 350.000 đồng. T lấy 05 (năm) hộp pháo bỏ vào túi xách đựng áo quần bằng vải màu xám, rồi để ở gác chân giữa xe mô tô, 02 (hai) hộp pháo T bỏ vào cốp xe mô tô, rồi điều khiển xe về thành phố Đ. Đến khoảng 22 giờ 20 phút cùng ngày, khi đến địa phận khu phố D, thị trấn C, thì bị lực lượng Cảnh sát giao thông Công an huyện C kiểm tra tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và tạm giữ toàn bộ tang vật.

Bản kết luận giám định số: 694/KL-KTHS ngày 14/6/2024 của Phòng PC09 Công an tỉnh Q đã kết luận: Mẫu vật được niêm phong trong thùng giấy ký hiệu “P” gửi đến giám định là pháo hoa nổ, khối lượng 9,2 kg (chín phẩy hai kilôgam).

Tại Cáo trạng số 30/CT – VKSCL ngày 06/8/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Vận chuyển hàng cấm” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị giữ nguyên bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “*Vận chuyển hàng cấm*”.
- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 191, điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 và Điều 54 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 35 triệu đồng đến 40 triệu đồng.
- Về vật chứng: Đề nghị áp dụng điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 của Bộ luật hình sự:
- + Tịch thu tiêu hủy: số pháo hoa nổ còn lại sau giám định, các túi ni lon, túi vải, vật dụng kèm theo.
- + Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: số tiền 350.000 đồng do bị cáo phạm tội mà có. Trả lại cho bị cáo số tiền 270.000 đồng.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động Iphone vì không liên quan đến vụ án và chuyển 01 xe mô tô của chị Nguyễn Hoàng

A Thờ cho Cảnh sát giao thông công an huyện C để xử phạt vi phạm hành chính về hành vi giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện giao thông đường bộ là đúng quy định.

- Về án phí: đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã truy tố và không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Trình bày lời nói sau cùng, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: các cơ quan và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì nên các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận: ngày 07/6/2024, sau khi nhận lời vận chuyển cho một người không quen biết, bị cáo Nguyễn Văn T dùng xe mô tô biển kiểm soát: 74C1-522.54 của chị Nguyễn Hoàng Anh T3 đã vận chuyển 07 hộp pháo hoa nổ được bọc trong túi nilong màu đen về thành phố Đ với tiền công vận chuyển 350.000 đồng. Khi đến K, Q, địa phận khu phố D, thị trấn C, thì bị lực lượng Cảnh sát giao thông Công an huyện C kiểm tra tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với bị cáo và tạm giữ toàn bộ tang vật. Theo kết luận giám định số hàng bị cáo vận chuyển là pháo hoa nổ, có tổng khối lượng là 9,2 kg. Như vậy, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác nên có căn cứ xác định hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Vận chuyển hàng cấm” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 của Bộ luật hình sự. Điều luật quy định: “*Người nào tàng trữ, vận chuyển hàng cấm thuộc một trong các trường hợp sau đây...thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm: ...c, pháo nổ từ 06 kilogram đến dưới 40 kilogram*”. Trong vụ án này, bị cáo đã thực hiện với lỗi cố ý, nhận thức rõ pháo hoa nổ là hàng cấm nhưng vì lợi ích cá nhân nên đã thực hiện hành vi phạm tội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về quản lý hàng cấm, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng: Không có.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bố mẹ đau ốm, bị cáo là lao động chính trong gia đình, là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt: Do bị cáo lần đầu phạm tội, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ xét xử bị cáo hình phạt tiền và áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo dưới mức của khung hình phạt cũng đủ để giáo dục bị cáo.

[6] Các vấn đề khác: quá trình điều tra không xác định được tên, địa chỉ của người đàn ông đã thuê bị cáo vận chuyển pháo hoa nổ nên không xem xét xử lý.

[7] Về vật chứng và tài sản thu giữ:

[7.1] Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã xử lý tài sản thu giữ:

[7.1.1] Trả lại cho bị cáo: 01 (một) điện thoại di động loại màn hình cảm ứng màu xám, nhãn hiệu: iPhone, kiểu máy: iPhone 15 Pro Max. Hội đồng xét xử xét thấy tài sản này không liên quan đến vụ án, việc trả lại tài sản của cơ quan điều tra là đúng pháp luật nên không xem xét lại.

[7.1.2] Chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA SH MODE màu trắng, gắn BKS 74C1-522.54, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo sử dụng xe vào việc phạm tội nhưng chủ sở hữu chị Nguyễn Hoàng Anh T3 không biết việc làm của bị cáo nên không truy cứu trách nhiệm, hiện cơ quan điều tra đã chuyển xe mô tô cho cơ quan cảnh sát giao thông huyện C để xem xét xử phạt vi phạm hành chính chị Nguyễn Hoàng Anh T3 về việc giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện giao thông đường bộ.

[7.2] 06 (sáu) hộp pháo hoa nổ, vỏ ngoài mỗi hộp bọc giấy nhiều màu sắc, có ký hiệu CHONG KOL C0833 được hoàn lại sau giám định; 07 (bảy) bao ni lông màu đen, mỗi bao ni lông sau khi duỗi phẳng có kích thước (41 x 33) cm; 01 (một) túi xách vải màu xám có kích thước (52 x 24 x 32) cm, túi có 02 (hai) quai xách và có 04 (bốn) ngăn, trong đó ngăn lớn nhất nằm ở vị trí chính giữa túi và có kích thước (38 x 32 x 24) cm, 02 ngăn nằm ở vị trí hai bên hông của túi và 01 ngăn nằm ở vị trí phía trước của túi. Đây là các vật chứng của vụ án cầm lưu hành và vật chứng có giá trị sử dụng không lớn nên áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy.

[7.3] Số tiền 620.000 đồng thu giữ của bị cáo, trong đó có 350.000 đồng là tài sản do phạm tội mà có nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu nộp ngân sách nhà nước 350.000 đồng, trả lại cho bị cáo 270.000 đồng.

[8] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T (Đ) phạm tội "Vận chuyển hàng cấm".

2. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 191, điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35, Điều 54 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T: 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng)

3. Về vật chứng và tài sản thu giữ: áp dụng điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 06 (sáu) hộp pháo hoa nổ, vỏ ngoài mỗi hộp bọc giấy nhiều màu sắc, có ký hiệu CHONG KOL C0833, được niêm phong trong 01 (một) thùng giấy ký hiệu "P" bên ngoài dùng băng keo dán kín các mép thùng, sử dụng giấy trắng có chữ ký của những người tham gia niêm phong và hình dấu của Phòng KTHS Công an tỉnh Q niêm phong kín, hoàn lại sau giám định (*hiện đang được bảo quản tại Công an huyện C*); 07 (bảy) bao ni lông màu đen, mỗi bao ni lông sau khi duỗi phẳng có kích thước (41 x 33) cm; 01 (một) túi xách vải màu xám có kích thước (52 x 24 x 32) cm, túi có 02 (hai) quai xách và có 04 (bốn) ngăn, trong đó ngăn lớn nhất nằm ở vị trí chính giữa túi và có kích thước (38 x 32 x 24) cm, 02 ngăn nằm ở vị trí hai bên hông của túi và 01 ngăn nằm ở vị trí phía trước của túi.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: Số tiền 350.000 đồng (*Ba trăm năm mươi nghìn đồng*) được đựng trong 01 (một) phong bì niêm phong bằng giấy, ký hiệu KL736PC09210624, có chữ ký của những người tham gia niêm phong và hình dấu của Phòng KTHS Công an tỉnh Q, bên trong có 02 (hai) tờ giấy bạc mệnh giá 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng), có các số seri lần lượt là: DV 07721685; XM 22793327; 02 (hai) tờ giấy bạc mệnh giá 100.000đ (Một trăm nghìn đồng), có các số seri lần lượt là: HV 12773736; SB 17983865; 01 (một) tờ tiền mệnh giá 10.000đ (Mười nghìn đồng), có số seri là: BT 13882679; 02 (hai) tờ tiền mệnh giá 5.000đ (Năm nghìn đồng), có các số seri lần lượt là: QO 4689234; RK 6192485.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T số tiền 270.000 đồng (Hai trăm bảy mươi nghìn đồng) được đựng trong 01 (một) phong bì niêm phong bằng giấy, ký hiệu KL736PC09210624, có chữ ký của những người tham gia niêm phong và hình dấu của Phòng KTHS Công an tỉnh Q, bên trong có 02 (hai) tờ giấy bạc mệnh giá 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng), có các số seri lần lượt là: DV 07721685; XM 22793327; 02 (hai) tờ giấy bạc mệnh giá 100.000đ (Một trăm nghìn đồng), có các số seri lần lượt là: HV 12773736; SB 17983865; 01 (một) tờ tiền mệnh giá 10.000đ (Mười nghìn đồng), có số seri là: BT 13882679; 02 (hai) tờ tiền mệnh giá 5.000đ (Năm nghìn đồng), có các số seri lần lượt là: QO 4689234; RK 6192485.

(*Các vật chứng, tài sản nói trên có tại Chi cục THADS huyện C theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/8/2024*).

4. Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người QLNVLQ;
- VKSND huyện Cam Lộ;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Công an huyện Cam Lộ;
- Chi cục THADS Cam Lộ;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Quý